

**CÔNG TY CỔ PHẦN TADAWAY**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TADAWAY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109522565

**3. Ngày thành lập:** 04/02/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 3, Tòa Gim, ngõ 460 Khương Đình, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0976110099

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất sợi                                                                                                         | 1311     |
| 2.  | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                              | 1313     |
| 3.  | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                              | 1391     |
| 4.  | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                               | 1392     |
| 5.  | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                               | 1399     |
| 6.  | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                       | 1410     |
| 7.  | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                     | 1420     |
| 8.  | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                 | 1430     |
| 9.  | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú                                                                        | 1511     |
| 10. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                       | 1512     |
| 11. | Sản xuất giày, dép                                                                                                   | 1520     |
| 12. | Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan                                                                           | 3211     |
| 13. | Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan                                                                       | 3212     |
| 14. | Sản xuất đồ chơi, trò chơi                                                                                           | 3240     |
| 15. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu                                                                                 | 3290     |
| 16. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711     |
| 17. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                   | 4719     |
| 18. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4721     |
| 19. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                     | 4722     |
| 20. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                       | 4723     |
| 21. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh                                                  | 4724     |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 22. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741        |
| 23. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742        |
| 24. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4751        |
| 25. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752        |
| 26. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753        |
| 27. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 28. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771        |
| 29. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                 | 4772        |
| 30. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)                                                              | 4773        |
| 31. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)                                                                                         | 4791(Chính) |
| 32. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                    | 4799        |
| 33. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                   | 8211        |
| 34. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                | 8219        |
| 35. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                               | 8230        |
| 36. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (điều 28 luật thương mại 2005)      | 8299        |
| 37. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                  | 2023        |
| 38. | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                  | 2029        |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 10.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                    | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | MAI TRỌNG DŨNG | 26/2/3 Tổ 7, KP4, đường KP4, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 2.000      | 20.000.000            | 20,000    | 026062267                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                         | Tổng số                   | 2.000      | 20.000.000            | 20,000    |                                                                                             |         |
| 2   | LÊ TRUNG ANH   | Số 12 ngõ 63 Nguyễn Khoái, Thị trấn Khoái Châu, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông         | 2.000      | 20.000.000            | 20,000    | 145536015                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                         | Tổng số                   | 2.000      | 20.000.000            | 20,000    |                                                                                             |         |

|   |                        |                                                                                         |                                    |       |            |        |                  |
|---|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-------|------------|--------|------------------|
| 3 | PHÙNG<br>HOÀNG<br>NGÂN | Thôn Đại Nghiệp,<br>Xã Tân Dân,<br>Huyện Phú<br>Xuyên, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 6.000 | 60.000.000 | 60,000 | 0381960001<br>50 |
|   |                        |                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0     | 0          | 0,000  |                  |
|   |                        |                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0     | 0          | 0,000  |                  |
|   |                        |                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0     | 0          | 0,000  |                  |
|   |                        |                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0     | 0          | 0,000  |                  |
|   |                        |                                                                                         | Tổng số                            | 6.000 | 60.000.000 | 60,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHÙNG HOÀNG NGÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/07/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 038196000150

Ngày cấp: 08/04/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đại Nghiệp, Xã Tân Dân, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Đại Nghiệp, Xã Tân Dân, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội